

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 - 5 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lê Quang Minh.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** ông Dương Quốc Phòng và bà Nguyễn Thị Loan

***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** ông Mai Anh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** chị Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Có mặt.

***Bị đơn:*** anh Lê Quang C, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Lê Quang C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 07 tháng 8 năm 2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại thôn 8, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc, đến khoảng một năm sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên giữa

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp diễn và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không có khả năng khắc phục nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có con chung và tài sản, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2022, bị đơn anh Lê Quang C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất với trình bày của chị D và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung và tài sản chung: vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng, anh C cho rằng mình không bỏ vợ nên không tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

*Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bó Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022, anh C thể hiện quan điểm không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, 39, 222, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn anh Lê Quang C; về con chung và tài sản, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề người tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh C đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt lần 2; nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2022, anh C thể hiện quan điểm không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Lê Quang C kết hôn có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 2015, vì vậy căn cứ vào các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp; Khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Anh Lê Quang C hiện đang cư trú tại thôn 8, xã H, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Theo chị D trình bày: cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm. Từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Theo lời khai của anh C thể hiện quan điểm, anh không bỏ vợ, nếu chị D yêu cầu ly hôn anh thì anh đồng ý ly hôn nhưng không tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị D không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình nên mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hiện tại, hai bên đều không mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh Lê Quang C.

Về quan hệ con chung và tài sản chung: Anh C, chị D đều xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị D phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét theo trình tự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim D, xử cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn anh Lê Quang C.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003215 ngày 18 tháng 02 năm 2022; chị D đã nộp đủ tiền án phí vụ kiện.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch;
- (ĐKKH: số 35/2018, ngày 07/8/2018)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Quang Minh**